

**DANH MỤC NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG YÊU CẦU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THUỐC TRONG NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ trước 01/07/2014**

(Đính kèm công văn số 8473 /QLD-ĐK ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Cục Quản lý Dược)

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
OSLA REDI	VD -19618-13	09/09/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Tetrahydrozoline hydrochloride	USP 38/ USP 39/ EP8.0/ EP 9.0	Società Italiana Medicinali Scandicci (S.I.M.S)	Localita' Filarone, Reggello, FI 50066, Italy	ITALY
POLYDERCIN	VD-18471-13	18/01/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyl BR s.r.l	Dexamethason sodium phosphate	USP 36	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Xianyao Road, Xianju, Taizhou, Zhejiang, China	China
POLYDERCIN	VD-18471-13	18/01/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyl BR s.r.l	Naphazolin nitrat	BP2010/USP36	Merck KgaA	D-64271 Darmstadt - Germany	Germany
POLYDERCIN	VD-18471-13	18/01/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyl BR s.r.l	Riboflavin	USP 37	Chifeng Pharma	No.84,yidong Street,hongshan Distri Chifeng, 24000 China	China
Zento B - CPC1	VD-18472-13	18/01/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyl BR s.r.l	Thiamin Nitrat	USP 36	Jiangxi Tianxin	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zento B - CPC1	VD-18472-13	18/01/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Pyridoxin HCl	USP 36	Jiangxi Tianxin	Gongye 6th Rd, Leping, Jingdezhen, Jiangxi, China.	China
Zento B - CPC1	VD-18472-13	18/01/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Cyanocobalamin	USP 34	Hebei Yuxing Bio	Xicheng district,ningjin county,hebei province, China	China
Cefixim - DOMESCO 100 mg	VD-18489-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefixime/Cefixime trihydrate (crystalline powder)	USP36→39	COVALENT LABORATORIES PRIVATE LIMITED	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist- 502 296, Telangana, India	INDIA
Cefixim - DOMESCO 100 mg	VD-18489-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefixime/Cefixime trihydrate (crystalline powder)	USP37→39	ORCHID PHARMA LIMITED	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, Tamilnadu- India	INDIA
Cefixim - DOMESCO 100 mg	VD-18489-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefixime/Cefixime trihydrate (crystalline powder)	USP37→39	NECTAR LIFESCIENCES LTD- INDIA	Vill.Saidpura. Tehsil- Derabassi, Distt.Mohali (Pb)-India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Doraval 160 mg	VD-18490-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Valsartan	USP35→39	CIPLA LTD	D-7, D-27, MIDC Kurkumbh, Dist. Pune 413802, India	CHINA
Meloxicam 7,5 mg	VD-18491-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Meloxicam	EP8/9	Zhejiang excel pharmaceutical Co., Ltd.	9 Dazha road, Huangyan Economic Development zone, Taizhou, Zhejiang, China.	CHINA
Oresol 245	VD-18492-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Natri clorid Sodium chloride	BP/EP	DOMINION SALT LIMITED	89 Totara Street, Mount Maunganui, New Zealand, 3116	NEW ZEALAND
Oresol 245	VD-18492-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Natri citrat Sodium citrate	USP35→39 EP7→9	JUNGBUNZLAUE R AUSTRIA AG	2064 Wulzeshofen, Austria	AUSTRIA
Oresol 245	VD-18492-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	(Dextrose Anhydrous C (Glucose)	USP35→39 EP7→9 NF30/31	ROQUETTE FRERES	1 Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem France	FRANCE
Oresol 245	VD-18492-13	18/01/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Potassium chloride	USP35→39 EP7→9	Tianjin Development Zone Haiguang Chemical Pharmaceutical Factory	No. 5, 7th Street, Tianjin Development Zone, Tanggu District, Tianjin, China.	CHINA
Aclon	VD-18521-13	18/01/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Aceclofenac	BP2009	Shin Poong pharm Co., Ltd ☐	434-4 Moknae-dong, Danwon-gu Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	Korea

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MEDITRYPSIN	VD-18809-13	01/04/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Chymotrypsin	USP 35	Shanghai Linzyme Bioscience, Ltd	666-7 Minshen Road, Songjiang , Shanghai 201612, China	China
MEDO alpha 42	VD-18810-13	01/04/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Chymotrypsin	USP 35	Shanghai Linzyme Bioscience, Ltd	666-7 Minshen Road, Songjiang , Shanghai 201612, China	China
Entero-caps	VD-18830-13	01/04/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Nifuroxazide	EP7→9	JOYOCHEM CO., LTD	Factory Building 11, Comprehensive Free trade Zone, Jinan, China	CHINA
Entero-caps	VD-18830-13	01/04/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Nifuroxazide	EP8/9	COPRIMA, S.L (MOEHS PRODUCTOS QUIMICOS)	C/.Pablo Picasso, 15 08213 Polinya (Barcelona)-Espana	SPAIN
SP Extream	VD-18847-13	01/04/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Pantoprazol	BP2009	Shin Poong pharm Co., Ltd □	434-4 Moknae-dong, Danwon-gu Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	Korea
SALONPAS® PAIN RELIEF PATCH	VD-18885-13	01/04/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Hisamitsu Việt Nam	Methyl salicylate	JP 16	Novacyl	29 avenue Joannès Masset Le Carré Joannès, CS 10619, 69258, Lyon Cedex 09, France	France

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SALONPAS® PAIN RELIEF PATCH	VD-18885-13	01/04/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Hisamitsu Việt Nam	<i>l</i> -Menthol	JP 16	Tien Yuan Chemical (PTE) Ltd	No. 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827	Singapore
Zilvit	VD-19023-13	19/6/2018	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Amikacine sulfate	EP8 / USP38/ NSX	1/ QiluTianhe Pharmaceutical Co., Ltd. - China	1/ 849 Dongjia Tow, Licheng District, Jinan Shandong, P.R China 250105	1/ China
						2/ Zhejiang jinhua Conba Bio-Pharm Co., Ltd.	2/ 288 Jinqu Road, Jinhua, Zhejiang 321016, China	2/ China
						3/ Interquim s.a. de c.v., Mexico	3/ Guillermo Marconi No.16, Fracc. Parque Industrial Cuamatla, 54730 Cuautitlan Izcalli, Edo. de Mexico, Mexico	3/ Mexico
CEFACLOR 250 mg	VD-19047-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Cefaclor monohydrat	BP 2009	Ranbaxy Laboratories Limited	Plot no. 89 – 90, Sector 32, Gurgaon – 122001, Haryana	India
DIANVITA	VD-19048-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Paracetamol	USP 30	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
DIANVITA	VD-19048-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Caffeine	USP 32	CSPC Innovation Pharmaceutical Manufacturing Co., Ltd	No. 36, Fuqiang West Road, Luancheng, Shijiazhuang, Hebei, 051430	China
METODEX	VD-19137-13	19/06/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Tobramycin sulfate	USP 35 -> USP 39	BIOVET JSC	3a Nikolay Haytov Street Sofia, 1113 Bulgaria	BULGARIA
METODEX	VD-19137-13	19/06/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Tobramycin sulfate	USP 35 -> USP 39	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd	Fuqing Jiangyin Industrial Park, China	CHINA
METODEX	VD-19137-13	19/06/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Dexamethasone sodium phosphate	USP 36 -> USP 39	SYMBIOTEC PHARMALAB PVT. LTD	Plot No. 5,6,7&8 SEZ Phase-II, Pharma Zone, Pithampur Distt. Dhar - 454774 (M.P.), India	INDIA
Cinnarizin 25 mg	VD-19144-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cinnarizine	BP2014→2017 EP8/9	RAY CHEMICALS PVT. LTD	41, KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore - 560 064 (new 560 106), India	INDIA

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dorover plus	VD-19145-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Perindopril tert- butylamine	EP8/9	GLENMARK PHARMACEUTIC ALS LTD	Plot No. 3109, GIDC Industrial Estate Ankleshwar, 393002, Gujarat-India Hoặc: Plot No. Z/103/I, SEZ Phase-II, Dahej, Taluka Vagra, Dist. Bharuch, 392130, Gujarat, India	INDIA
Dorover plus	VD-19145-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Indapamide	BP2012→2017 EP7→9	BIOINDUSTRIA L.I.M. LABORATORIO ITALIANO MEDICINALI S.P.A	15067 NOVI LIGURE AL - (ITALIA) - Via De Ambrosilis, 2	ITALIA
Dotium	VD-19146-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Domperidone maleate	BP2012→/2017	SRI KRISHNA PHARMACEUTICA LS LTD	C4 Industrial Area Uppal Hyderabad 500 039 Telangana-India	INDIA
Dotoux Extra	VD-19147-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Paracetamol	EP8/9 USP38/39	MALLINCKRODT INC.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dotoux Extra	VD-19147-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Chlorpheniramine maleate	BP2014→2017	SUPRIYA LIFESCIENCE LTD	A 5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal-Khed, Dist-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	INDIA
Dotoux Extra	VD-19147-13	19/06/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Phenylephrine Hydrochloride (Phenylephrin hydrochlorid)	USP36→39 EP7→9	BASF The Chemical Company.(BASF PharmaChamikalien GMBH & CO.KG; tên mới: SIEGFRIED/ SIEGFRIED PHARMACHEMIK ALIEN MINDEN	32423 Minden Germany	GERMANY
CEFACLOL 125 mg	VD-19503-13	09/10/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Cefaclor monohydrat	BP 2009	Ranbaxy Laboratories Limited	Plot no. 89 – 90, Sector 32, Gurgaon – 122001, Haryana	India
ERYFAR 250 mg	VD-19504-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Erythromycin ethyl succinate	JP 15	Linaria Chemicals (Thailand) Limited	Cathay House, 4th Floor, 8/17-18 North Sathon Road, Bangkok 10500	Thailand
TAMASIX	VD-19505-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Pyridoxine hydrochloride	BP 2009	Jiangxi Tianxin Pharmaceuticals Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone Leping, Jiangxi 333300	China
ACTADOL 150	VD-19584 -13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Paracetamol	USP 36	AnQiu Lu' an Pharmaceutical CO., LTD	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong,	China

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ACTADOL 80	VD-19585-13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Paracetamol	USP 36	AnQiu Lu' an Pharmaceutical CO., LTD	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China	China
CLORBIOTIC 250	VD-19586-13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Cefaclor monohydrat	USP 37	ACS Dobfar	Viale Addetta, 4/12 20067 Tribiano, Italia	Italia
SIURKON	VD-19588-13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Betamethason dipropionate	USP39	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Xianyao Road, Xianju, Taizhou, Zhejiang, China	China
SIURKON	VD-19588-13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Gentamycin sulfate	BP 2010	Yantai Justa ware phar, Co, Ltd .	Zhichu Rd, Zhifu, Yantai, Shandong, China	China
SIURKON	VD-19588-13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Clotrimazol	USP 36	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co.,Ltd.	Liangchang East Road 6# Jintan, Changzhou, Jiangsu, China	China
TETRACYCLIN	VD-19589-13	10/09/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Tetracyclin Hydroclorid	ĐBVN IV	Ningxia Qiyuan pharmaceutical. Co, Ltd	No.1 QiYuan Str. WangYuan Industrial Area,YingChuan NingXia, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
METOBRA	VD-19616-13	10/09/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Tobramycin sulfate	USP 35 -> USP 39	BIOVET JSC	3a Nikolay Haytov Street Sofia, 1113 Bulgaria	BULGARIA
POEMA	VD-19619 - 13	10/09/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Neomycin Sulfate	EP 8.0/ EP 9.0/ USP36 -> USP 39	PHARMACIA & UP JOHN COMPANY	Kalamazoo, Mi 49001- 0199, USA	USA
POEMA	VD-19619 - 13	10/09/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Dexamethasone sodium phosphate	USP 36 -> USP 39	SYMBIOTEC PHARMALAB PVT. LTD	Plot No. 5,6,7&8 SEZ Phase-II, Pharma Zone, Pithampur Distt. Dhar - 454774 (M.P.), Inida	INDIA
POEMA	VD-19619 - 13	10/09/2018	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Dexamethasone sodium phosphate	EP8.0/ EP 9.0	CRYSTAL PHARMA, S.A.U	Parque Tecnologico de Boecillo, Parcela 105, 47151 Boecillo, Valladolid, Spain	SPAIN
Cefaclor 125 mg	VD-19626-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefaclor (NC)	USP37→39	Ranbaxy Laboratories Limited	Plot no.89-90, Sector 32, Gurgaon – 1220011, Haryana- India.	INDIA
Cefaclor 250 mg	VD-19627-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefaclor (NC)	USP37→39	Ranbaxy Laboratories Limited	Plot no.89-90, Sector 32, Gurgaon – 1220011, Haryana- India.	INDIA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dofexo	VD-19628-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Fexofenadin hydrochlorid Fexofenadine hydrochloride	USP38/39	IND SWIFT LABORATORIES LIMITED	Vill. Bhagwanpur, Barwala Road, Near Dera Bassi, Distt. S.A.S. Nagar (Mohali), Punjab, India	INDIA
Dopolys - S	VD-19629-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Chlorhydrate Heptaminol (Heptaminol HCl)	EP8/9	EXPANSIA	Route d'Avignon 30390 Aramon - France	FRANCE
Dopolys - S	VD-19629-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Chlorhydrate Heptaminol (Heptaminol HCl)	EP7→9	FINORGA	497 Route de Givors 38670 Chasse-sur- Rhône France (FINORGA SAS au capital de 1.589.008 Euro-Siege social- 497 Route de Givors 38670 Chasse-sur-Rhône France)	FRANCE
Dopolys - S	VD-19629-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Troxeutin	EP7→9	SICHUAN XIELI PHARMACEUTIC AL. CO., LTD.	Pharmaceutical Industrial Park, Pengzhou, Sichuan, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dorosur 10 mg	VD-19630-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Rosuvastatin calcium	In-House	GLENMARK PHARMACEUTIC ALS LIMITED (LTD)	Plot No. 141-143, 160- 165, 170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat Maryadit, Pune- Hyderabad Highway, Mohol Dist. Solapur 413 213 Maharashtra, India	INDIA
Dorover 4 mg	VD-19631-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Perindopril tert- butylamine	EP8/9	GLENMARK PHARMACEUTIC ALS LTD	Plot No. 3109, GIDC Industrial Estate Ankleshwar, 393002, Gujarat-India Hoặc: Plot No. Z/103/I, SEZ Phase-II, Dahej, Taluka Vagra, Dist. Bharuch, 392130, Gujarat, India	INDIA
Dovel 150 mg	VD-19632-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Irbesartan	USP38/39	CADILA PHARMACEUTIC ALS LIMITED	3203, G.I.D.C., Estate, Ankleshwar - 393 002 Gujarat, India	INDIA

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Erythromycin 250 mg	VD-19633-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Erythromycin ethylsuccinate	BP2011→/2017	LINARIA CHEMICALS (THAILAND) LTD.	309, Bangpoo Industrial Estate, Soi 6C, Sukhumit Road, Moo4, Tumbol Phraksa, Ampur Muang Samutprakan, Samutprakan, 10280, Thailand.	THAILAND
Gaberon	VD-19634-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Gabapentin	USP36→39	Laboratorio Chimico Internazionale S.P.A.	Via B. Cellini, 20- 20090 Segrate (MI)	ITALY
Ofmantine-Domesco 1g	VD-19635-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Amoxicillin trihydrate compacted	BP2012→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Survey No.1/22,2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthali mandal, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
Ofmantine-Domesco 1g	VD-19635-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Potassium Clavulanate With Avicel 1:1	IN HOUSE EP 7→9	LEK PHARMACEUTIC ALS D.D.	Penicillin Production plant: Perzonali 47, SI- 2391 Prevalje, Slovenia	SLOVENIA

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Simvastatin 20 mg	VD-19636-13	10/09/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Simvastatin	USP37→39	Zhejiang Jiangbei pharmaceutical Co, Ltd.	Dongdai Zhangan street, Jiaojiang Taizhou city, Zhejiang P.R.318017-China.	CHINA
Shintovas	VD-19680-13	10/09/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Atorvastatin	USP33	Shin Poong pharm Co., Ltd □	434-4 Moknae-dong, Danwon-gu Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	Korea
Shintovas	VD-19681-13	10/09/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Atorvastatin	USP33	Shin Poong pharm Co., Ltd □	434-4 Moknae-dong, Danwon-gu Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	Korea
TETRACYCLIN 250	VD-19984-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Tetracycline hydrochloride	USP 32	North China Pharmaceutical Goodstar Co., Ltd	High Tech Development Zone Of Chengde, Hebei, P.R. China	China
UPHACEFDI	VD-19985-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Cefdinir	USP 32	Dhanuka Laboratories Ltd	7th K.M., Old Manesar Road, Village Mohammedpur, Gurgaon, Haryana – 122004	India
CLORFAST 125	VD-20030-13	11/11/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Cefaclor monohydrat	USP 37	ACS Dobfar	Viale Addetta, 4/12 20067 Tribiano, Italia	Italia

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CLORFAST 250	VD-20031-13	11/11/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Cefaclor monohydrat	USP 37	ACS Dobfar	Viale Addetta, 4/12 20067 Tribiano, Italia	Italia
DROFAXIN 500	VD-20032-13	11/11/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Cefadroxil monohydrat	USP 34	DSM Anti- infectives Chemferms	Polígono Industrial Urvasa, Calle Ripollés, 2, 08130 Santa Perpétua de Mogoda, Barcelona, Spain	Spain
POVIDON IOD	VD-20033-13	11/11/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Povidon iod	USP 36	Gamphray Laboratories	Sambava Chambers 4th Floor, Sir P. M. Road, Fort, Mumbai 400 001, India	India
STOMALUGEL P	VD-20034-13	11/11/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Aluminium phosphate gel	USP 37	Cty TNHH NOVAGLORY	139/5/1A Chiến Lược, KP16,P. Bình Trị Đông,Q. Bình Tân, HCM	Việt Nam
Dopathyl 200mg	VD-20062-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Fenofibrate /Fenofibrate (micronized)	EP8→9 BP2013→2017	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTIC AL CO.LTD	Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang , China	CHINA

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dorotor 40mg	VD-20063-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Atorvastatin calcium	USP37→39	ZHEJIANG NEO- DANKONG PHARMACEUTIC AL CO.,LTD	No. 259 BinhaiRoad, Yantou Jiaojiang dist., Taizhou City, Zhejiang Province, China	CHINA
Dorotor 20mg	VD-20064-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Atorvastatin calcium	USP37→39	ZHEJIANG NEO- DANKONG PHARMACEUTIC AL CO.,LTD	No. 259 BinhaiRoad, Yantou Jiaojiang dist., Taizhou City, Zhejiang Province, China	CHINA
Dovel 300 mg	VD-20065-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Irbesartan	USP38/39	CADILA PHARMACEUTIC ALS LIMITED	3203, G.I.D.C., Estate, Ankleshwar - 393 002 Gujarat, India	INDIA
Erose	VD-20066-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	L-Cystine	USP36→39	NINGBO ZHENHAI HAIDE BIOCHEM CO., LTD	#799 Fengxiang Road, Xiepu, Zhenhai, Ningbo 315204, China	CHINA
Erose	VD-20066-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)/Vita min B6 HCL	USP38/39 BP2015→2017	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTIC AL CO., LTD	Le'anjiang Industria Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Moxacin 250 mg	VD-20067-13	11/11/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Amoxicillin trihydrate compacted	BP2012→2017	AUROBINDO PHARMA LTD	Survey No.1/22,2/1 to 5,6 to 18, 61 to 69, Pydibhimavaram-532 409, Ranasthali mandal, Srikakulam Dist, A.P, India	INDIA
CEPHALEXIN 250 mg	VD-20268-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	Cefalexin monohydrate	BP 2009	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Orchid Towers', 313, Valluvar Kottam High Road, Nungambakkam, Chennai – 600 034, Tamil Nadu	India
ACICLOVIR	VD-20321-13	27/12/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Acyclovir	USP 37	Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co., Ltd.	Tongyuanxi, Dazhan Townshop, Xianju County, Zhejiang Province,317321,P.R. China	China
ASIACOMB-NEW	VD-20322-13	27/12/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Triamcinolon acetonid	USP38	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd	No.19, Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic - Technological Development Area, Tianjin, China	China

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ASIACOMB-NEW	VD-20322-13	27/12/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Nystatin	USP 35	Anti Biotice Science and Soul	1 Valea Lupului Street 707410 Lasi, Rumani	Rumani
ASIACOMB-NEW	VD-20322-13	27/12/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Clotrimazol	USP 36	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co.,Ltd.	Liangchang East Road 6# Jintan, Changzhou, Jiangsu, China	China
ASIACOMB-NEW	VD-20322-13	27/12/2018	Cty CP Liên doanh DP Medipharco tenamyd BR s.r.l	Neomycin sulfate	USP 36	Yichang Sanxia pharmaceutical, Co, Ltd	No.48, Binjiang Road Yichang City, 443002 China	China
Dobenzic	VD-20343-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Dibencozide (Cobamamide)	In-house	Interquim, S.A. de C.V.	Guillermo Marconi No.16, Fracc. Parque Industrial Cuamatla, 54730 Cuautitlán Izcalli, Edo. de México, México. Hoặc: Guillermo Marconi No.16, Fracc. Parque Industrial Cuamatla Cuautitlán Izcalli, Estado de México C.P. 54730 México.	México.

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Docifix 200 mg	VD-20345-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefixime/Cefixime trihydrate (crystalline powder)	USP36→39	COVALENT LABORATORIES PRIVATE LIMITED	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist- 502 296, Telangana, India	INDIA
Docifix 200 mg	VD-20345-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefixime/Cefixime trihydrate (crystalline powder)	USP37→39	ORCHID PHARMA LIMITED	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, Tamilnadu- India	INDIA
Docifix 200 mg	VD-20345-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Cefixime/Cefixime trihydrate (crystalline powder)	USP37→39	NECTAR LIFESCIENCES LTD- INDIA	Vill.Saidpura. Tehsil- Derabassi, Distt.Mohali (Pb)-India	INDIA
Domelox 15 mg	VD-20346-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Meloxicam	EP8/9	Zhejiang excel pharmaceutical Co., Ltd.	9 Dazha road, Huangyan Economic Development zone, Taizhou, Zhejiang, China.	CHINA
Dorolex	VD-20347-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Hyoscine-N- butylbromide (Hyoscine butylbromide)	EP7→9	LINNEA SA	Via Cantonale, CH - 6595 Riazzino (TI), Switzerland	SWITZERLA ND

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Omeprazol 20 mg	VD-20348-13	27/12/2018	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Omeprazole pellets 8,5%	USP35→39	Amoli Organic Pvt. Ltd, India	407, Dalamal House, Jammalal Bajaj Road, Nariman Point, Mumbai – 400 021, India	INDIA
ANAPA	VD-18559-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Tretinoin	USP 32	TAIZHOU HENG FENG PHARMACEUTICA L & CHEMICAL CO., LTD	Shuiyang chemical development zone, linhai, China 317022	China
ANAPA	VD-18559-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Erythromycin	USP 32	TAISHAN CITY CHEMICAL PHARMACEUTICA L CO., LTD	No.98 LongZhou Road, Taicheng, Taishan City Guangdong, China	CHINA
AROTABIN	VD-18560-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acyclovir	USP 32	ZHEJIANG CHARIOTEER PHARMACEUTIC AL CO., LTD	Tongyuani, Dazhan, Xianjiu, Zhejiang Province, 317321, pr. CHINA	China
PURECARE	VD-18563-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Erythromycin	USP 32	TAISHAN CITY CHEMICAL PHARMACEUTIC AL CO., LTD	No.98 LongZhou Road, Taicheng, Taishan City Guangdong, China	CHINA

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TIMI ROITIN	VD-18564-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Natri chondroitin sulfat	USP 32	BIOFAC ESBJERG A/S.	Englandsvej 350-356, 2770 Kastrup, Denmark	Denmark
TIMI ROITIN	VD-18564-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Fursultiamin	NSX	ILDONG PHARMACEUTIC AL CO., LTD./ KOREA	53 Gongdan-ro, 98 Beon-gil, Heungdeok- gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do	Korea
TIMI ROITIN	VD-18564-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Riboflavin	USP 32	HUBEI GUANGJI PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	No.1 Jiangdi Road,Wuxue City,Hubei,China	China
TIMI ROITIN	VD-18564-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Pyridoxin HCl	USP 32	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300. China .	China
TIMI ROITIN	VD-18564-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Nicotinamid	USP 32	WESTERN DRUGS PVT. LTD.	F-271(A) Mewar Industrial Are Midri, Udapur 313001 India	Inida
TIMI ROITIN	VD-18564-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Calci pantothenat	USP 32	ZHEJIANG HANGZHOU XINFU PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	Linglong Economical Arre Linan Hangzhou Shejiang 311301 p.r, China	China

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TOCONAT	VD-18565-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	D-alpha Tocopherol	USP 27	Shanghai DiYang Chemical Imp./Exp. Co., Ltd	Room1606-1607, No.1403 Minsheng Road, Pudong Shanghai 200135, China Shanghai Shanghai	China
REGATONIC	VD-18562-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Retinyl acetat	USP 32	BASF A/S	2750 Ballerup, Denmark	Denmark
REGATONIC	VD-18562-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Dl-alpha tocopheryl acetat	USP 32	SOUTHWEST SYNTHETIC PHARMACEUTIC AL CORP., LTD.	Luoqi, Yubei District, Chongqing China	China
REGATONIC	VD-18562-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-citrullin	NSX	NINGBO ZHENHAI HAIDE BIOCHEM CO. LTD.	#799 Fengxiang Road Xiepu, Zhenhai, Ningbo 315204 China	China
REGATONIC	VD-18562-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	N-acetyl-L-aspartic acid	NSX	FLAMMA S.P.A.	Via Bedeschi 22-24040 Chignolo d'Isola-BG- Italy	ITALY

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
REGATONIC	VD-18562-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Pyridoxin HCl	USP 32	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd.	No.71 West Chunyuan Road,Xiangyang,Hubei China	China
ACEPHIC	VD-18561-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefdinir	USP 32	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.	Plot Nos 138-149, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, India	India
YAHOSI	VD-18566-13	18/01/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Imipenem monohydrate, Cilastatin sodium and Sodium bicarbonate (Sterile liquid)	USP 32	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd Laboratories	Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong, China, 519040	China
EIGHTEENGEL	VD-18863-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Erythromycin	USP 32	TAISHAN CITY CHEMICAL PHARMACEUTIC AL CO., LTD	No.98 LongZhou Road,Taicheng,Taishan City Guangdong,China	CHINA
ENDIX-G	VD-18864-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Econazol nitrat	USP 32	GUANGZHOU HANPU PHARMA CEUTICAL CO., LTD	Yunpu Industrial Zone, Huangpu Region, Guangzhou, Guangdong, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENDIX-G	VD-18864-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Triamcinolon acetonid	USP 32	FARMABIOS	Via Pavia, 1. 27027 Gropello Cairoli PV, Italy.	Italy
ENDIX-G	VD-18864-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Gentamicin sulfat	USP 32	YANTAI JUSTAWARE PHARMACEUTIC AL CO., LTD	No.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, China.	China
L-CYSTINE	VD-18867-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-Cystin	BP 2010	NINGBO ZHENHAI HAIDE BIOCHEM CO., LTD	#799 Fengxiang Road Xiepu, Zhenhai, Ningbo 315204 China	China
PHILOMI	VD-18869-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acid ascorbic	USP 32	Yixing Jiangshan Bio-Tech Co.,Ltd	Zhoutie Town, Yixing City, Jiangsu	China
PHILOMI	VD-18869-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Selen trong men khô	NSX	Shanghai Gecono Yeast Co., Ltd	No. 88 CaiLun Rd, ZhangJiang Hi-Tech Park, Shanghai, China	China
PHILOMI	VD-18869-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	DL- α -Tocopherol	USP 32	Zhejiang Nhu Company LTD	Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang Province, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PHILOMI	VD-18869-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Hỗn dịch β -caroten 30%	USP 32	BASF SE	Carl-Bosch-Str.38 67056 Ludwigshafen, Germany	Germany
IMINAM	VD-18865-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Imipenem monohydrate, Cilastatin sodium and Sodium bicarbonate (Sterile liquid)	USP 32	SHENZHEN HARBIN PHARMACEUTIC AL CO., LTD	2003 Shayan Road, Yantian District, Shenzhen, 518081.P.R.China	China
LAXAZERO 2g	VD-18866-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefpirome sulfate và sodium carbonate (Sterile liquid)	NSX	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.	Plot Nos 138-149, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, India	India
TACEDOX	VD-18868-13	01/04/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefpodoxime proxetil	USP 32	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.	Plot Nos 138-149, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, India	India
AJUAKINOL	VD-19212-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Isotretinoin	USP 32	TAIZHOU HENGFENG PHARMACEUTIC AL & CHEMICAL CO., LTD	Shuiyang chemical development zone, linhai, China 317022	CHINA

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BETADERM- NEOMYCIN	VD-19213-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Betamethason valerat	USP 32	IND-SWIFT LABORATORIES LIMITED	SCO 850, Shivalik Enclave N.A.C. Manimajra, Chandigarh - 160101	INDIA
BETADERM- NEOMYCIN	VD-19213-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Neomycin sulfat	USP 32	SICHUAN LONG MARCH PHARMACEUTIC AL CO., LTD	448 Changqing Road, Leshan, Sichuan 614000, R.R. China	CHINA
KIBALURON	VD-19215-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Econazol nitrat	USP 32	GUANGZHOU HANPU PHARMA CEUTICAL CO., LTD	Yunpu Industrial Zone, Huangpu Region, Guangzhou, Guangdong, China.	CHINA
KIBALURON	VD-19215-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Triamcinolon acetonid	USP 32	FARMABIOS	Via Pavia, 1-27027 Gropello Cairoli PV, Italy	Italy
KIBALURON	VD-19215-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Gentamicin sulfat	USP 32	YANTAI JUSTAWARE PHARMACEUTIC AL CO.,LTD	No.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, China.	China
PHILIVER	VD-19217-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Thiamin nitrat	USP 32	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300. China .	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PHILIVER	VD-19217-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Pyridoxin HCl	USP 32	JIANGXI TIANXIN PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300. China .	China
PHILIVER	VD-19217-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Riboflavin	USP 32	HUBEI GUANGJI PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	No.1 Jiangdi Road,Wuxue City,Hubei,China	China
PHILIVER	VD-19217-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Nicotinamid	USP 32	TIANJIN ZHONGRUI PHARMACEUTIC AL CO. LTD.	Eastern Beihuan Road, Chengguan Town Wuqing Dist. Tianjin City China	China
PHILIVER	VD-19217-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Calci pantothenat	USP 32	ZHEJIANG HANGZHOU XINFU PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	Linglong Economical Arre Linan Hangzhou Shejiang 311301 p.r, China	China
SILKERONCREME	VD-19219-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Betamethason dipropionat	USP 32	SYMBIOTICA	3-9-B, NB Plaza, No. 3000. Jalan Baru, Perai, 13700, Penang, Malaysia	Malaysia

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SILKERONCREME	VD-19219-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Clotrimazol	USP 32	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co.,Ltd. (JINTAN ZHONGXING PHARMACEUTIC AL AND CHEMICAL CO.,LTD)	Liangchang East Road 6# Jintan,Changzhou,Jian gsu,China	China
SILKERONCREME	VD-19219-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Gentamicin sulfat	USP 32	YANTAI JUSTAWARE PHARMACEUTIC AL CO., LTD	No.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, China.	China
BUSHICLE	VD-19214-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefadroxil monohydrate	USP 32	DSM Anti- Infectives Chemferm, S.A	Calle Ripolles, 2. Poligono industrial Urvasa, Sta Perpelua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	Spain
ROFUOXIME	VD-19218-13	19/06/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefuroxime sodium	USP 32	HARBIN PHARMACEUTIC AL GROUP CO., LTD General Pharm Factory	No.109 Xuefu Road Nangang District, Harbin, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
GINPLUS	VD-19705-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Tocopheryl acetat	USP 32	Southwest Synthetic Pharmceutical Corp., Ltd	Luoqi, Yubei District, Chonqing China	China
GINPLUS	VD-19705-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Riboflavin	USP 32	HUBEI GUANGJI PHARMACEUTIC AL CO., LTD.	No.1 Jiangdi Road,Wuxue City,Hubei,China	China
NEW HEPALKEY	VD-19706-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-Ornithin L- Aspartat	NSX	ILSHIN CHEMICAL CO., LTD. / KOREA	287-2 Bugjeong-dong, Yangsan Kyungnam 626-110 Korea	Korea
NEW HEPALKEY	VD-19706-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	DI-alpha Tocopheryl acetat	USP 32	SOUTHWEST SYNTHETIC PHARMACEUTIC AL CORP., LTD.	Luoqi, Yubei District, Chonqing China	China
PHILCOMOZEL	VD-19707-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Ketoconazol	USP 32	AARTI DRUGS LIMITED	Plot N0 E21/22 MIDC Tarapur Via Boisar Dist Thane 401506 Maharashtra India	India
VAMIPAS	VD-19708-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-Ornithine L- Aspartat	NSX	BK PHARMA CO., LTD. / KOREA	No. 305, 1486-18, Gyeongdong-ro, Andong-si, Gyeongbulk 760-380 Korea	Korea

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PHILS-LIN	VD-19709-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	L-Cystin	BP 2010	NINGBO ZHENHAI HAIDE BIOCHEM CO., LTD	#799 Fengxiang Road Xiepu, Zhenhai, Ningbo 315204 China	China
PHILTENAFIN	VD-19710-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Terbinafin hydrochlorid	USP 32	SHANDONG BOYUAN CHEMICAL CO., LTD.	Qiangjin Street, Jibei Economic Devel Opment Zone, Jiyang County, Jinan City, 251400, Shandong,China	China
PHILUNIMETON	VD-19711-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Ibuprofen	USP 32	SHASUN PHARMACEUTIC ALS LIMITED	. R.S.No.33 & 34, Shasun Road, Periyakalapet, Puducherry-605014, India	Inida
FENDEXI Ointment	VD-19712-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Natri fusidat	BP 2010	WORLD (JIANGSU) INDUSTRY CO., LTD	No.56,RENMIN (M) ROAD	China
TATRIDAT	VD-19713-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acid ursodeoxycholic	USP 32	MARENIS PHARMA GmbH	SchillerstraBe 1, 55411 ßingen, Germany	Germany
TRIVAMID	VD-19714-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Natri fusidat	BP 2010	WORLD (JIANGSU) INDUSTRY CO., LTD	No.56,RENMIN (M) ROAD	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VAGICARE	VD-19715-13	10/09/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Promestrien	NSX	Spec- Chem Ind.	ShiLin Industrial Park, No.10 Wanshou Road.Nanjing 211800, P.R. China.	China
NEW KEROMAX	VD-20088-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Selen dạng men khô	NSX	ALI (USA)	4410 S. 102nd Street Omaha, NE 68127	USA
NEW KEROMAX	VD-20088-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Retinyl palmitat	ĐDVN IV	BASF THE CHEMICAL COMPANY.	Carl-Bosch-Str.38 67056 Ludwigshafen Germany	Denmark
NEW KEROMAX	VD-20088-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	DL-alpha Tocopheryl acetat	USP 32	SOUTHWEST SYNTHETIC PHARMACEUTIC AL CORP., LTD.	Luoqi, Yubei District, Chongqing China	China
NEW KEROMAX	VD-20088-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acid ascorbic	USP 32	SHANDONG LUWEI PHARMACEUTIC AL CO.LTD	Shuangfeng Industrial Park,Zichuan District,Zibo City,Shandong,China	China
PHILDERMA	VD-20089-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Betamethason dipropionat	USP 32	LUNA CHEMICALS CO., LTD.	1502-1503,No.310 North Zhong Shan Rd., Hangzhou, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PHILDERMA	VD-20089-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Clotrimazol	USP 32	JINTAN ZHONGXING PHARMACEUTIC AL AND CHEMICAL CO., LTD	Liangchang East Road 6# Jintan, Changzhou, Jiangsu, China	China
PHILDERMA	VD-20089-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Gentamicin sulfat	USP 32	YANTAI JUSTAWARE PHARMACEUTIC AL CO., LTD	No.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, China.	China
PHILPIRO 10mg	VD-20090-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Isotretinoin	USP 32	TAIZHOU HENG FENG PHARMACEUTIC AL & CHEMICAL CO., LTD	Shuiyang chemical development zone, linhai, China 317022	CHINA
DOBARIS	VD-20087-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefdinir	USP 32	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.	Plot Nos 138-149, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District- 603 110, India	India
RINGOSING	VD-20091-13	08/11/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Cefaclor monohydrate	USP 32	RANBAXY LABORATORIES LIMITED PLANT MOHALI	Plot No. 89-90, Sector 32, Gurgaon -122001, Haryana, India	India

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
FENDEXI	VD-20385-13	27/12/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Acid fusidic	BP 2010	ERCROS	Domicilio Social Av. Diagonal, 595. 08014 Barcelona, Spain	Spain
HITEENGEL	VD-20386-13	27/12/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Tretinoin	USP 32	TAIZHOU HENG FENG PHARMACEUTIC AL & CHEMICAL CO., LTD	Shuiyang chemical development zone, linhai, China 317022	China
HITEENGEL	VD-20386-13	27/12/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	Erythromycin	USP 32	TAISHAN CITY CHEMICAL PHARMACEUTIC AL CO., LTD	No.98 LongZhou Road,Taicheng,Taishan City Guangdong,China	China
POWERBRAINCAP	VD-20387-13	27/12/2018	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	D- α -Tocopherol	USP 32	SHANGHAI DIYANG CHEMICAL CO., LTD	Room1606-1607, No.1403 Minsheng Road, Pudong Shanghai 200135, China Shanghai Shanghai	China
Dogtapine	VD-18306-13	18/01/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Sulpiride	EP 8.1	Jiangsu Tasly Diyi Pharmaceutical Co., Ltd	No.29, Western Chengnan Road, Qingpu District, Huai'an, Jiangsu	China
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Thiamine mononitrate	USP/EP	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145, D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Thiamine mononitrate	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Riboflavin	USP 35	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001 China	China
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Pyridoxin hydrochloride	BP 2013/USP 36	Jiangxi Tianxin Pharmaceuticals Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Pyridoxin hydrochloride	USP/EP	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145 D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	D - Calcium pantothenate	USP 36	Zhejiang Hangzhou Xinfu Pharmaceutical Co., Ltd	Linglong Economical Area Linan, Hangzhou, Zhejiang, 311301, P.R.China	China
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nicotinamide	USP 37	Tianjin Chongrui Pharmaceuticals Co., Ltd	Chengguan Town, Wuqing Dist, Tianjin, China	China
Belcozyl	VD-18741-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nicotinamide	USP 38	Lasons India PVT. Ltd.	8, New Jagruti, 227. S. V Road, Bandra (W), Mumbai 400 050, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hismedan	VD-18742-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Trimetazidine dihydrochloride	JP XVI	Trichem Life Science Ltd.	Plot No. K/57 , MIDC, Tarapur, Taluka, Palghar, Dist. Thane (Maharashtra)-401506, India	India
Hismedan	VD-18742-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Trimetazidine dihydrochloride	JP XVI	JPN Pharma Pvt.Ltd	Arihant Enclave, 1st Floor, Falguni Building Above Shrinathji Cake Shop, Ashok Nagar, Ashok Chakravarty Road, Kandivali (East), Mumbai - 400 101. India.	India
Panactol	VD-18743-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Paracetamol	BP2011/USP35	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No. 368 Jianshe street, Hengshui city, Hebei province, 053000, P.R. China	China
Panactol	VD-18743-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Paracetamol	BP 2014	Anqui Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 35, Weixu North Road, Anqui, Shangdong, China	China
Vitamin B6	VD-18744-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Pyridoxine hydrochloride	BP 2013/USP 36	Jiangxi Tianxin Pharmaceuticals Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Vitamin B6	VD-18744-13	01/04/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Pyridoxine hydrochloride	USP/EP	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145 D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Katrypsin	VD-18964-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Alpha- chymotrypsin	USP 37/38	Beijing Geyuantianrun Bio- Tech Co., Ltd	No. 3 Tianfu Road, Daxing Bio-medicine Industry Park, Beijing, China, 102609	China
Katrypsin	VD-18964-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Alpha- chymotrypsin	USP 37/38	Zhejiang Feng'an Bio-pharmaceutical Co., Ltd.	Xia yang di Wil., Nan feng St., Xianju, Zhejiang, China	China
Katrypsin	VD-18964-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Alpha- chymotrypsin	USP 37/38	Shanghai Linzyme Biosciences Co., Ltd	666-7, 14 Minshen road, Xinquiao town, Songjiang, Shanghai, China	China
Khaterban	VD-18965-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Sodium benzoate	USP 38	Emerald Performance Materials	Montrealweg 15 3197 KH Rotterdam The Netherlands	Netherlands
Khaterban	VD-18965-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Dextromethorphan hydrobromide	USP 38	Zhejiang Apelo Kangyu Pharmaceutical Co., Ltd.	333, Jiangnan Road, Hengdian, Dongyang, Zhejiang, 322118, China	China
Khaterban	VD-18965-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Dextromethorphan hydrobromide	USP 32	Divi's Laboratories Limited	Lingijigudem, Choutuppall Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252, India	India
Khaterban	VD-18966-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Sodium benzoate	USP38	Emerald Performance Materials	Montrealweg 15 3197 KH Rotterdam The Netherlands	Netherlands

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Khaterban	VD-18966-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Dextromethorphan hydrobromide	USP 38	Zhejiang Apelo Kangyu Pharmaceutical Co., Ltd.	333, Jiangnan Road, Hengdian, Dongyang, Zhejiang, 322118, China	China
Khaterban	VD-18966-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Dextromethorphan hydrobromide	USP 32	Divi's Laboratories Limited	Lingjigudem, Choutuppall Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252, India	India
Magnesi-B6	VD-18967-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Pyridoxine hydrochloride	BP 2013/USP 36	Jiangxi Tianxin Pharmaceuticals Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Magnesi-B6	VD-18967-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Pyridoxine hydrochloride	USP/EP	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145 D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany
Nergamdicin	VD-18967-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nalidixic Acid	BP 2013	Elixir Pharma	164-A, Phase-II, Opp. Lathla Industries, GIDC, Naroda, Ahmedabad - 382330 Gujarat, India	India
Nergamdicin	VD-18967-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Nalidixic Acid	BP 2013	Unimark Remedies Ltd, Vapi	41/42, GIDC, 1 st Phase, Vapi - 396 195 Dist. Valsad, Gujarat	India
Kanausin	VD-18969-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Metoclopramide hydrochloride	BP 2014	Ipica Laboratories Ltd.	G-6, M.I.D.C, Waluj, Aurangabad-431136, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trimetazidin	VD-18970-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Trimetazidine dihydrochloride	JP XVI	Trichem Life Science Ltd.	Plot No. K/57 , MIDC, Tarapur, Taluka, Palghar, Dist. Thane (Maharashtra)-401506, India	India
Trimetazidin	VD-18970-13	19/06/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Trimetazidine dihydrochloride	JP XVI	JPN Pharma Pvt.Ltd	Arihant Enclave, 1st Floor, Falguni Building Above Shrinathji Cake Shop, Ashok Nagar, Ashok Chakravarty Road, Kandivali (East), Mumbai - 400 101. India.	India
Calci-D	VD-19385-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Calcium carbonate (Calcium Carbonate heavy)	USP 38	Shanghai Noucheng Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1631, Gulang Road, Putuo district, Shanghai, China	China
Hydrocolacyl	VD-19386-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Prednisolone	USP 38	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., ltd	No.19, Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area, Tianjin, China	China
Hydrocolacyl	VD-19386-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Prednisolone	EP7/BP2011	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1, Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hydrocolacyl	VD-19386-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Prednisolone	USP 38	Lijiang Yinghua Biochemical and Pharmaceutical Co.,Ltd	Nankou Industrial Park, Lijiang, Yunnan, China, 674100	China
Kacerin	VD-19387-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Cetirizine dihydrochloride	In - House	Auctus Pharma Limited India	Unit-II, Plot No.8, JN Pharma city, Tadi Village, Parawada mandal, Visakhapatnam Dist., A.P. India	India
Kacerin	VD-19387-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Cetirizine dihydrochloride	EP8.0	Supriya Lifescience Ltd.	Plot No. A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.- Khed, Dist-Ratnagiri, Pin: 415722, Maharashtra, India	India
Kamelox	VD-19388-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Meloxicam	BP2013	Apex Healthcare Limited	Plot No. 4710-G.I.D.C. Ankleshwar-393002, Gujarat, India	India
Kamelox	VD-19388-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Meloxicam	BP 2012	Technodrugs & Intermediates Pvt. Ltd	C-1/B, 1914 GIDC Panoli, Dist Bharuch, Gujarat. India	India

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Panactol 325mg	VD-19389-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Paracetamol	BP2011/USP35	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No. 368 Jianshe street, Hengshui city, Hebei province, 053000, P.R. China	China
Panactol 325mg	VD-19389-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Paracetamol	BP 2014	Anqui Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 35, Weixu North Road, Anqui, Shangdong, China	China
Vitamin B1	VD-19390-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Thiamine mononitrate	USP/EP	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145, D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany
Vitamin B1	VD-19390-13	10/9/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Thiamine mononitrate	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceuticals Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Atenolol	VD-19892-13	08/11/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Atenolol	BP 2013	Ipica Laboratories Ltd.	48, Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West) Mumbai 400 067, Maharashtra, India	India
Atenolol	VD-19892-13	08/11/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Atenolol	BP 2013/2014	Suchem Laboratories Ltd.	Plot No. 10/13, G.I.D.C. PH-1, Vatva, Ahmedabad- 382445, India	India

Tên thuốc (1)	SDK	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kantacid	VD-20223-13	27/12/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Ranitidine hydrochloride	USP 32	China Jiangsu International Economic And Technical Cooperation Group, Ltd	9F Golden Eagle Hangzhong New Building, No.1, Hanzhongmen street, Nanjing, China	China
Kantacid	VD-20223-13	27/12/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Ranitidine hydrochloride	USP37	Orchev Pharma Pvt. Ltd	Shapar Industrial Area, Rajkot - Gondal Highway, Veraval Dist. Rajkot - India	India
Rotundin 60	VD-20224-13	27/12/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Rotundine	BP 2010	Sichuan Xieli Pharmaceutical. Co., Ltd.	Pharmaceutical Industrial Park, Pengzhou, Sichuan, China	China
Rotundin 60	VD-20224-13	27/12/2018	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hòa	Rotundine	CP 2015	Sichuan JieXiang Herb material Co., Ltd	Fuqiang Road, Zhongtan Industrial Park, Wusheng County, Guangan City, Sichuan Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CEFACLOR 500mg	VD-18204-13	18/01/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Cefaclor monohydrat	DDVN IV	Dahanuka Laboratories Limited	7 K.M. Old Manesar Road, Vilage Mohammedpur, Gurgaon, Haryana- 122004.	India
PARACETAMOL 500mg	VD-18917-13	19/06/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Paracetamol	DDVN IV	Heibei Jiheng (group) Pharmacy Co.,Ltd-China.	368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R China	China
TERPIN BENZOAT	VD-19289-13	10/09/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Natri benzoat	DDVN IV	Emerald Performance Materials	Cuyahoga Falls, Ohi	USA
CETIRIZIN	VD-19819-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Cetirizin HCl	DDVN IV	Auctus Pharma Limited	No. 102, 1st Floor Aditya Trade Centre, Hyderabad, Andhra Pradesh	India
TRIMOXTAL 875/125	VD-19820-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Amoxicilin trihydrat	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech CO., Ltd.	20 Yangzi Road Shijiahuang economic & Technological Development Zone, Heibei, P.R	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TRIMOXTAL 875/125	VD-19820-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Sulbactam natri	BP 2007	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., LTD	19/c, Tianyuan Building, No.508 Wensan Road,Hhangzhou, China., 310006	China
MYDECELIM 50mg	VD-20156-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Tolperison HCl	DDVN IV	Jinan Jinda Pharmaceutical Chemistry Co., Ltd.	Room 314, Block B, Kaibeite Building, No.15, Huaxin Road, Licheng District, Jinan City, Shandong Province	China
CEFACLOR 500mg	VD-18204-13	18/01/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Cefaclor monohydrat	DDVN IV	Dahanuka Laboratories Limited	7 K.M. Old Manesar Road, Vilage Mohammedpur, Gurgaon, Haryana- 122004.	India
PARACETAMOL 500mg	VD-18917-13	19/06/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Paracetamol	DDVN IV	Heibei Jiheng (group) Pharmacy Co.,Ltd-China.	368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R China	China
TERPIN BENZOAT	VD-19289-13	10/09/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Natri benzoat	DDVN IV	Emerald Performance Materials	Cuyahoga Falls, Ohi	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CETIRIZIN	VD-19819-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Cetirizin HCl	DDVN IV	Auctus Pharma Limited	No. 102, 1st Floor Aditya Trade Centre, Hyderabad, Andhra Pradesh	India
TRIMOXTAL 875/125	VD-19820-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Amoxicilin trihydrat	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech CO., Ltd.	20 Yangzi Road Shijiahuang economic & Technological Development Zone, Heibei, P.R	China
TRIMOXTAL 875/125	VD-19820-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Sulbactam natri	BP 2007	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., LTD	19/c, Tianyuan Building, No.508 Wensan Road,Hhangzhou, China., 310006	China
MYDECELIM 50mg	VD-20156-13	08/11/2018	Cty Cổ Phần Dược Minh Hải	Tolperison HCl	DDVN IV	Jinan Jinda Pharmaceutical Chemistry Co., Ltd.	Room 314, Block B, Kaibeite Building, No.15, Huaxin Road, Licheng District, Jinan City, Shandong Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--